

Bản án số: 170/2020/HS-PT

Ngày 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang;

Ông Trần Nam Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 382/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trương Quang M; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2019/HS-ST ngày 30-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Bị cáo có kháng cáo: Trương Quang M, sinh năm 1978 tại Quảng Ngãi; Giấy chứng minh nhân dân số: 27127085X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24-5-2018; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương T (chết) và bà Võ Thị M; có vợ tên Trần Thị Thúy L và có 02 con; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2008/HS-ST ngày 09-01-2008 của Tòa án nhân dân Quận P và Bản án hình sự phúc thẩm số: 390/2008/HS-PT ngày 15-7-2008 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xử phạt Trương Quang M 02 năm 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 25-5-2010; chấp hành xong án phí ngày 18-3-2014 và chấp hành xong phần bồi thường ngày 10-10-2019 (Giấy xác

nhận kết quả thi hành án số: 118/GXN-THADS ngày 10/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P).

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 10/2020/LCĐKNCT ngày 19-02-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 04 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào khoảng 13 giờ ngày 31/3/2019, Lê Quốc Kh rử Hoàng Đức H, Lã Hữu Trùng D, Bùi Anh Th và Trương Quang M đến nhà của Kh tại Số nhà S, Khu dân cư Y, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, để nhậu. Trong thời gian chờ mời nhậu, Kh rử các đối tượng chơi bài “Xì Zách” thắng thua bằng tiền, các đối tượng đồng ý. Trước khi chơi, Kh lấy ra 01 bộ bài tây có sẵn tại nhà tại nhà; sau đó, Th đi mua thêm 03 bộ bài, tổng cộng là 04 bộ bài tây.

Hình thức đánh bạc như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tây gồm 52 lá bài, người làm cái sẽ chia cho mỗi người mỗi “Tụ” gồm 02 lá bài; sau đó, căn cứ vào số điểm của bài, người chơi có thể rút thêm tối đa 03 lá bài để so sánh với số điểm bài của người làm cái, để đối chiếu kết quả thắng thua với người làm cái. Việc thắng thua được tính trực tiếp giữa người làm cái với các “Tụ” trên số tiền mà người chơi bài đã đặt trước đó; nếu bài của người làm cái lớn hơn thì sẽ thắng tiền của các con bạc; ngược lại, nếu bài của người làm cái nhỏ hơn thì người làm cái sẽ thua và chung tiền cho các con bạc đã đặt ở các “Tụ”; nếu bài của người làm cái bằng điểm với số điểm với bài các “Tụ” hoặc cùng “Quắc” với nhau thì hòa.

Cách tính điểm như sau: Các lá bài từ 02 đến 10 thì số điểm tương ứng với con số đó, các lá bài J, Q, K được tính là 10 điểm, lá bài A (xì): Nếu “Tụ” bài có hai hoặc ba lá thì được tính 10 hoặc 11 điểm; nếu “Tụ” bài có từ bốn lá trở lên thì được tính là 01 điểm. Quy định bài lớn nhất là 02 con A (xì), gọi là “Xì bàng”, tiếp theo là 01 con A (xì) và 01 con 10 hoặc bài tây (J, Q, K) gọi là “Xì zách”, tiếp theo là ngũ linh (có 05 lá bài nhưng tổng điểm từ 21 trở xuống), rồi tiếp theo đến thứ tự từ 21 điểm đến 16 điểm (nếu bài nhỏ hơn 16 điểm thì phải rút thêm, nếu bài có tổng điểm lớn hơn 21 điểm gọi là “Quắc”, riêng bài

của người làm cái được tính từ 15 điểm). Khi bắt đầu ván bài, con bạc sẽ đặt tiền ra trước mặt để thắng thua với người làm cái, quy định đặt thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Quá trình đánh bạc quy định mỗi người làm cái xoay tua (03 ván bài); sau đó, chuyển cho người kế bên, nếu người nào không muốn làm cái thì qua tua.

Khi tham gia đánh bạc, Lê Quốc Kh sử dụng số tiền 350.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt quả tang, Kh thua hết số tiền trên.

Lã Hữu Trùng D mang theo số tiền 5.340.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt quả tang D không thắng, không thua, khi bị bắt thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí D ngồi số tiền 300.000 đồng, thu trong người D số tiền 5.040.000 đồng;

Hoàng Đức H mang theo số tiền 6.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc đến khi bị bắt quả tang H thua số tiền 1.150.000 đồng, khi bị bắt thu trong người H số tiền 4.950.000 đồng;

Bùi Anh Th mang theo số tiền 550.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc Th thắng được 550.000 đồng. Khi bị Công an ập vào bắt quả tang Th đã bỏ chạy thoát, khi bỏ chạy Th để lại toàn bộ số tiền trên trên chiếu bạc;

Trương Quang M mang theo số tiền 800.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc không thắng không thua. Khi bị Công an ập vào bắt quả tang M đã bỏ chạy thoát, khi bỏ chạy M để lại toàn bộ số tiền trên trên chiếu bạc.

Tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là: 13.550.000 đồng (gồm 9.990.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng có căn cứ sử dụng vào việc đánh bạc và 3.560.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc)

2. Vật chứng thu giữ:

- Tiền mặt thu giữ trên chiếu bạc: 3.560.000 đồng;
- Tiền mặt thu trong người các đối tượng số tiền 9.990.000 đồng có căn cứ dụng vào việc đánh bạc.
- 04 bộ bài tây 52 lá.
- 04 điện thoại di động, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone của Lã Hữu Trùng D; 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Trương Quang M; 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Hoàng Đức H và 01 điện thoại di động hiệu Iphone

của Lê Quốc Kh. Quá trình điều tra, xác định các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2019/HS-ST ngày 30-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Quốc Kh, Hoàng Đức H, Lã Hữu Trùng D, Bùi Anh Th và Trương Quang M phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt:

1/ Trương Quang M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2/ Lê Quốc Kh 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

3/ Hoàng Đức H 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

4/ Lã Hữu Trùng D 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

5/ Bùi Anh Th 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, bị cáo Trương Quang M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

5. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo; do đó, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trương Quang M đã được tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng nhưng

vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh khó khăn và đang nuôi 02 con nhỏ; thuộc trường hợp được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Về hình phạt: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, mức án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội và lý lịch của bị cáo; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định nêu trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Quang M;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 92/2019/HS-ST ngày 30-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trương Quang M 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

Phạt bổ sung bị cáo Trương Quang M phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2. Về án phí: Bị cáo Trương Quang M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Đ;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành